

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 05/2021/HSST
Ngày 14/9/2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi – Nơi công tác: Phòng giáo dục huyện
2. Ông Nguyễn Văn Hoa – Nơi công tác: Hội cựu chiến binh huyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 31/8/2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Bích V (tên thường gọi; B), sinh ngày 08 tháng 12 năm 1984 tại Tiền Giang; Chứng minh nhân dân số: 311724353 Cấp ngày 07/9/2020 Tại Công an Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn K, mẹ Lê Thị Thu N; Vợ, con: chưa có; Tiền án: 01 tiền án (Ngày 03/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 31/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện G tuyên phạt 12 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt là 21 tháng tù giam (đã chấp hành xong nhưng chưa xóa án tích)); bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/4/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Phú Đông cho đến nay; có mặt

2. Người bị hại: Cao Thị P – sinh năm 1969; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Văn N – sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút, ngày 14/01/2021 bị cáo Nguyễn Bích V điều khiển xe mô tô biển số 63B8 – 530.70 đến khu vực ấp B, xã P thì thấy tiệm tạp hóa của chị Cao Thị P và anh Nguyễn Văn N đang mở cửa. Bị cáo dừng xe lại rồi đi vào thì thấy chị P đang nằm trên võng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát không thấy ai, bị cáo lấy 01 chiếc ví bằng chất liệu vải kiểu đeo bên hông đang để dưới nền nhà ngay vị trí chị P đang ngủ rồi điều khiển xe mô tô trên đi đến phà C thuộc ấp T, xã Đ, huyện T để về thị xã G.

Tại bến phà, bị cáo lấy trong chiếc ví trên số tiền 11.000 đồng để mua một tờ vé số. Trong lúc qua phà, bị cáo kiểm tra chiếc ví thì phát hiện bên trong có một chiếc điện thoại di động hiệu Nokia đời máy 1203 bên trong có sim số 0372175778, không xác định được số tiền trong sim và số tiền 7.500.000 đồng cùng nhiều card nạp tiền điện thoại di động với tổng thành tiền là 10.000.000 đồng của các nhà mạng viettel, mobiphone, vinaphone, vietnammob có nhiều mệnh giá khác nhau như 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng, không rõ số lượng từng loại card). Sau đó bị cáo lấy toàn bộ số tiền mặt và card của nhà mạng viettel nhiều mệnh giá khác nhau để sử dụng với mục đích nạp vào sim số 0342561475 của bị cáo trong thời gian từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/03/2021 với tổng số tiền là 550.000 đồng. Riêng các tài sản khác (gồm chiếc ví, 01 điện thoại di động và card của các nhà mạng mobiphone, vinaphone, vietnammob) thì bị cán vứt xuống sông Cửa Tiểu nên không thu hồi được. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, chị P thức giấc phát hiện mất chiếc ví bằng chất liệu vải kiểu đeo bên hông nên trình báo chính quyền địa phương. Qua điều tra xác minh Công an huyện Tân Phú Đông xác định Nguyễn Bích V là người đã lấy trộm chiếc ví bằng chất liệu vải kiểu đeo bên hông nên đã tiến hành bắt bị can để tạm giam để xử lý theo quy định.

Theo bản kết luận thẩm định giá tài sản số 05/HĐĐGTS ngày 04/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Phú Đông kết luận:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia đời máy 1203 có giá trị thành tiền là 280.000 đồng

+ 01 (một) sim điện thoại di động số 0372175778 có giá trị thành tiền là 20.000 đồng.

+ 01 (một) cái ví kiểu đeo bên hông, bằng chất liệu vải có giá trị thành tiền là 132.000 đồng.

+ 01 (một) card nạp tiền điện thoại di động mệnh giá 50.000 đồng có giá trị là 50.000 đồng.

+ 01 (một) card nạp tiền điện thoại di động mệnh giá 100.000 đồng có giá trị là 100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS-TPĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông đã truy tố bị cáo Nguyễn Bích V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Bích V từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Bích V bồi thường cho anh Nguyễn Văn N, chị Cao Thị P số tiền 17.943.000đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Về vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số viettel có mã ghi trên sim 8984048000069547026 tài khoản còn lại 0 đồng

* Tịch thu sung công quỹ: xe máy kiểu dáng Wave màu đỏ - đen- xám, biển số 63B8-530.70 đã qua sử dụng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B8-530.70 do bị cáo Nguyễn Bích V đứng tên chủ sở hữu.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định việc Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ tang vật là đúng như biên bản đã lập, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là có tội. Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại: anh N, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng anh chị giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.943.000đ, về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Bích V, có đầy đủ năng lực hành vi, khi phát hiện tài sản của chị Cao Thị P là chiếc ví (chất liệu vải kiểu đeo bên hông) để dưới sàn nhà trong lúc chị P đang ngủ, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã lên lút chiếm đoạt chiếc ví, bên trong ví có tiền, nhiều card điện thoại, điện thoại di động hiệu Nokia. Số tiền mặt thì bị cáo tiêu xài, card mạng viettel bị cáo nạp vào sim số 0372175778 để sử dụng, số card các nhà mạng khác như: mobiphone, vinaphone, vietnammob 01 cái ví và điện Nokia đời máy 1203 bị cáo ném xuống sông.

Theo Kết luận thẩm định giá trị tài sản số 05/HĐĐGTS ngày 04/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Phú Đông kết luận: 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia đời máy 1203 có giá trị thành tiền là 280.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại di động số 0372175778 có giá trị thành tiền là 20.000 đồng; 01 (một) cái ví kiểu đeo bên hông, bằng chất liệu vải) có giá trị thành tiền là 132.000 đồng; card nạp tiền điện thoại di động mệnh giá 50.000 đồng có giá trị là 50.000 đồng; card nạp tiền điện thoại di động mệnh giá 100.000 đồng có giá trị là 100.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo và bị hại thống nhất tổng giá trị các card điện thoại là 10.000.000đ, bị cáo thừa nhận chiếm đoạt số tiền mặt là 7.511.000đ và thống nhất với kết luận của Hội đồng định giá tài sản gồm 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia đời máy 1203 là 280.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại di động số 0372175778 là 20.000 đồng; 01 một cái ví (kiểu đeo bên hông, bằng chất liệu vải) là 132.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 17.943.000đ.

Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét về động cơ và mục đích phạm tội: Bị cáo đủ khả năng để nhận biết được rằng, hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý thực hiện. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ sức khoẻ để lao động nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng vì tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng không chịu lao động chân chính. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời gây mất trật tự ở địa phương.

[4] Xét về nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, Ngày 03/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 31/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện G tuyên phạt 12 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2020, nhưng đến ngày 14/01/2021 có hành vi trộm cắp tài sản của anh N, chị P. Như vậy, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, không cải tạo, khắc phục những vi phạm trước đây mà còn tái phạm. Do đó, áp dụng tình tiết tăng nặng là “*tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt không quá lớn, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: tại cơ quan điều tra, bị cáo và người bị hại là anh Nhon, chị Phúc thỏa thuận bị cáo bồi thường tổng số tiền 17.943.000đ, đến nay bị cáo chưa bồi thường. Nay anh N, chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng anh chị giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền nêu trên, bị báo đồng ý. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về trách nhiệm dân sự như sau: bị cáo Nguyễn Bích V bồi thường cho anh Nguyễn Văn N, chị Cao Thị P số tiền 17.943.000đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng)

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với xe máy kiểu dáng Wave biển số 63B8-530.70 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B8-530.70 do bị cáo đứng tên, đây là tài sản của bị cáo, bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội do đó tịch thu sung công quỹ. Đối với 01 sim số viettel có mã ghi trên sim 8984048000069547026, tài khoản còn lại 0 đồng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Do bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự.

[6] Qua xem xét những chứng cứ buộc tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bích V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 ; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2021

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Bích V bồi thường cho anh Nguyễn Văn N, chị Cao Thị P số tiền 17.943.000đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

* Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số viettel có mã ghi trên sim 8984048000069547026 tài khoản còn lại 0 đồng

* Tịch thu sung công quỹ: xe máy kiểu dáng Wave màu đỏ - đen- xám, biển số 63B8-530.70 đã qua sử dụng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B8-530.70 do bị cáo Nguyễn Bích V đứng tên chủ sở hữu.

(Tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/8/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông).

Thi hành khi án có hiệu lực.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

- Bị cáo Nguyễn Bích V phải chịu 200.000đ án phí hình sự

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N, chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND H.TPĐ.
- Cơ quan CSĐT; Cơ quan THA hình sự CA H.TPĐ.
- Nhà tạm giữ CA H.TPĐ (hoặc nơi giam giữ bc)
- Chi cục THA dân sự H.TPĐ.
- UBND xã (nơi BC cư trú).
- Người bào chữa (nếu có)
- Bị cáo.
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác.
- Bộ phận THA phạt tù.
- HSVA; Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Lắm